TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 266/2026/QĐST-HNGĐ	

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tự nguyện ly hôn ngày 30/7/2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 411/2026/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Ngọc M, sinh năm 2001

Số CCCD: 039xxx263

Địa chỉ: Số A đường L, ấp B, xã N, thành phố H.

- Anh Lê Bá H, Sinh năm 1998

Số CCCD: 038xxx399

Địa chỉ: thôn A, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc M và anh Lê Bá H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện T, tỉnh C (nay là xã B2, tỉnh C) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2022 là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do quan điểm về cuộc

sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy chị M và anh H thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc M và anh Lê Bá H.

[2].Về con chung: Chị Trần Ngọc M và anh Lê Bá H thống nhất có 1 con chung là cháu Lê Bá Anh K, sinh ngày 24/9/2022. Hai bên thỏa thuận giao anh H sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Anh K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M và anh H thống nhất chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H.

[3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Ngọc M và anh Lê Bá H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về lệ phí: Chị M và anh H thỏa thuận, Chị M chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc công nhận ly hôn và thỏa thuận nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của Chị Trần Ngọc M và anh Lê Bá H.

- Về con chung: Chị Trần Ngọc M và anh Lê Bá H thống nhất có 1 con chung là cháu Lê Bá Anh K, sinh ngày 24/9/2022. Hai bên thỏa thuận giao anh H sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Anh K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M và anh H thống nhất chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh H và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị M.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh H, chị M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí chị M đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu số 0000759 ngày 23/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (Chị M đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 - TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B2 – tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Hồng Đức